BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 986 /QĐ-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 06 /2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-ĐHCN ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đăng lên E-Office;
- Các đơn vị đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Phan Hồng Hải

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 986 /QĐ-ĐHCN ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Trụ sở chính:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tiếng Anh: Industrial University of Ho Chi Minh City

Tên viết tắt: IUH

Phân hiệu Quảng Ngãi:

Tên tiếng Việt: Phân hiệu Quảng Ngãi

Tên tiếng Anh: IUH Quang Ngai Campus

Tên viết tắt: IUQ

Cơ sở Thanh Hóa:

Tên tiếng Việt: Cơ sở Thanh Hóa - Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM

Tên tiếng Anh: IUH Thanh Hoa Campus

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh

- Mã trường trong công tác tuyển sinh tại trụ sở chính: **IUH**

- Mã trường trong công tác tuyển sinh tại Phân hiệu Quảng Ngãi: **IUQ**

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phân hiệu Quảng Ngãi: 938, đường Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử Trường: https://iuh.edu.vn

Cổng thông tin tuyển sinh Trường: https://tuyensinh.iuh.edu.vn

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)

Cổng thông tin công khai quy chế tuyển sinh: https://tuyensinh.iuh.edu.vn/quyChe.

Trường thực hiện xét tuyển, không tổ chức thi tuyển sinh.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Điện thoại: 028 3985 1932 - 028 3985 1917 - 028 3895 5858

Zalo tuyển sinh: 0983375439

Email: tuyensinh@iuh.edu.vn

Facebook: https://www.facebook.com/tuyensinhdaihoccongnghieptphcm

Zalo tuyển sinh Phân hiệu Quảng Ngãi: 0916222135

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm được công khai tại cổng thông tin: https://iuh.edu.vn/vi/ba-cong-khai.html

Địa chỉ công khai về kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo được công khai tại cổng thông tin https://tuyensinh.iuh.edu.vn/

Địa chỉ công khai về chương trình đào tạo được công khai tại cổng thông tin: https://ctdt.iuh.edu.vn/

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Các thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1 Phương thức Xét tuyển thẳng - Mã phương thức xét tuyển: 301

Xét tuyển thẳng là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ của thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng.

2.2 Phương thức Xét tuyển kết hợp:

Tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội tối đa cho thí sinh, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch. Phương thức xét tuyển kết hợp sử dụng các kết quả sau để xét tuyển:

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (TN) năm 2026.

- Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐGNL) tổ chức năm 2026.

- Sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12 (HB).

2.3 Công thức xác định điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển của thí sinh được xác định theo công thức:

$$Đ_{XT} = \text{Max}(XT_1; XT_2; XT_3)$$

Các giá trị của XT_1, XT_2, XT_3 được xác định như sau:

$XT_1 = 0.7*Đ_K + 0.3*Đ_{HB} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có);

$XT_2 = Đ_{TN} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có);

$XT_3 = Đ_{ĐGNL} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có).

Trong đó:

- $Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển;

- $Đ_{TN}$: Tổng điểm của 3 môn thi tốt nghiệp, trong tổ hợp xét tuyển;

- $Đ_{ĐGNL}$: Điểm thi đánh giá năng lực quy đổi ra thang điểm 30 theo công thức:

$$Đ_{ĐGNL} = \frac{(\text{Kết quả thi đánh giá năng lực})x30}{Đ_{TK}}$$

- $Đ_{HB}$: Tổng điểm của 3 môn HB, trong tổ hợp xét tuyển;

- $Đ_K = \text{Max}(Đ_{TN}, Đ_{ĐGNL})$;

- $Đ_{TK}$: Điểm cao nhất trong kỳ thi đánh giá năng lực (Điểm thủ khoa của kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026);

- $Đ_{(Kv;Đt)}$: Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- $Đ_C$: Điểm cộng (bao gồm: Điểm thưởng, Điểm xét thưởng; Điểm khuyến khích).

Lưu ý:

Trường hợp thí sinh có nhiều thành tích thì điểm xét thưởng sẽ được tính cho tất cả các thành tích nhưng tổng điểm không quá 1.5 điểm. Bảng quy đổi điểm xét thưởng được tra tại mục 5.2.2 (Điểm xét thưởng) của Thông tin tuyển sinh này.

Đối với các ngành/nhóm ngành không có môn Tiếng Anh là môn bắt buộc trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định được quy đổi thành điểm khuyến khích. Bảng quy đổi điểm khuyến khích được quy định tại Mục 5.2.3 (Điểm khuyến khích) của Thông tin tuyển sinh này.

Đối với các ngành/nhóm ngành có môn tiếng Anh là môn bắt buộc trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định nhưng không tham dự thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT được sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ để thay thế điểm môn tiếng Anh khi tham gia xét tuyển. Trường hợp này, thí sinh không được quy đổi cộng điểm khuyến khích. Điểm quy đổi từ chứng chỉ để thay thế môn tiếng Anh được quy định tại Mục 5.3 (Điểm quy đổi môn Tiếng Anh) của Thông tin tuyển sinh này.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Nguồn xét tuyển

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển đạt tối thiểu 15.00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

3.2. Ngưỡng điểm đầu vào

Là mức điểm tối thiểu để thí sinh đăng ký xét tuyển, Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Đối với chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế ngưỡng điểm đầu vào sẽ được công bố theo ngưỡng điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngay sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc thí sinh có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá ở mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) cả năm lớp 12 và có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 điểm trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.50 trở lên theo thang điểm 10.

Đối với chương trình đào tạo ngành Dược học ngưỡng điểm đầu vào sẽ được

công bố theo ngưỡng điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế ngay sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc thí sinh có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá ở mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) cả năm lớp 12 và có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 20.00 điểm.

3.3 Điểm trúng tuyển

Là mức điểm chuẩn mà thí sinh cần đạt để được xét trúng tuyển vào từng ngành/nhóm ngành.

- Đối với mỗi ngành điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển có độ lệch bằng 0.00 điểm

- Không có sự phân biệt điểm trúng tuyển giữa thứ tự các nguyện vọng.

- Trường hợp nhiều thí sinh có mức điểm bằng nhau ở cuối danh sách, Nhà trường áp dụng tiêu chí phụ (nếu có) để xác định trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển được công bố công khai trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và website của Nhà trường.

4. Số lượng tuyển sinh dự kiến:

Tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh - Mã xét tuyển IUH

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
1	7510301	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*; Năng lượng tái tạo; Điện hạt nhân	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	324	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
2	7510301C	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo; Điện hạt nhân	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	120	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
3	7510303	**Tự động hóa** gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*; Robot và hệ thống điều khiển thông minh	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	368	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
4	7510303C	**Tự động hóa chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
5	7510302	**Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông** gồm 04 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật viễn thông*; IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng; Kỹ thuật Rada dẫn đường.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	365	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
6	7510302C	**Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 03 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật viễn thông; IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
7	7480108	**Kỹ thuật máy tính** gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật thiết kế vi mạch	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	317	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
8	7480108C	**Kỹ thuật máy tính chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật thiết kế vi mạch	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
9	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	307	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
10	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí chương trình tăng cường tiếng anh	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
11	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử*	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	171	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
12	7510203C	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử chương trình tăng cường tiếng anh	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
13	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	164	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
14	7510202C	Công nghệ chế tạo máy chương trình tăng cường tiếng anh	7510202	Công nghệ chế tạo máy	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
15	7510205	**Công nghệ kỹ thuật ô tô** gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	354	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
16	7510205C	Công nghệ kỹ thuật ô tô chương trình tăng cường tiếng anh	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
17	7510206	**Công nghệ kỹ thuật nhiệt** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật năng lượng; Quản lý năng lượng	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	267	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
18	7510206C	**Công nghệ kỹ thuật nhiệt chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật năng lượng; Quản lý năng lượng	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
19	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	224	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
20	7580205	**Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông** gồm 02 chuyên ngành: Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật công trình đường sắt (mới)	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	100	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
21	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	60	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
22	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	365	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC2
23	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC2
24	7480201	**Nhóm ngành Công nghệ thông tin** gồm **04** ngành Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm**; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin***; và 02 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu.	7480201	Công nghệ thông tin	676	Phương thức 301; PTXT Kết hợp - Tổ hợp: Toán, Vật lí, Nhóm môn TC1 - Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC12
25	7480201C	**Nhóm ngành Công nghệ thông tin chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; và 01 chuyên ngành Khoa học dữ liệu	7480201	Công nghệ thông tin	280	Phương thức 301; PTXT Kết hợp - Tổ hợp: Toán, Vật lí, Nhóm môn TC1 - Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC12
26	7510401	**Công nghệ hóa học** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học*; Kỹ thuật hóa phân tích; Công nghệ hóa dược.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	336	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
27	7510401C	**Công nghệ hóa học chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa phân tích; Công nghệ hóa dược.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
28	7720201	Dược học	7720201	Dược học	150	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
29	7540101	Công nghệ thực phẩm*	7540101	Công nghệ thực phẩm	293	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
30	7540101C	Công nghệ thực phẩm chương trình tăng cường tiếng anh	7540101	Công nghệ thực phẩm	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
31	7720402	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720402	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	134	Phương thức 301; PTXT Kết hợp - Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3 - Tổ hợp: Toán, Sinh học, Nhóm môn TC5
32	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	133	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
33	7420201	Công nghệ sinh học*	7420201	Công nghệ sinh học	140	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Sinh học, Nhóm môn TC5
34	7420201C	Công nghệ sinh học chương trình tăng cường tiếng anh	7420201	Công nghệ sinh học	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Sinh học, Nhóm môn TC5

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
35	7850103	**Quản lý đất đai** gồm 02 chuyên ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	7850103	Quản lý đất đai	160	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp:Toán, Địa lí, Nhóm môn TC4
36	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	298	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC10
37	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường*	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	237	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Hóa học, Nhóm môn TC3
38	7340301	Kế toán*	7340301	Kế toán	429	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
39	7340301C	Kế toán chương trình tăng cường tiếng anh	7340301	Kế toán	160	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
40	7340302	Kiểm toán*	7340302	Kiểm toán	199	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
41	7340302C	Kiểm toán chương trình tăng cường tiếng anh	7340302	Kiểm toán	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
42	7340301Q	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA)	7340301	Kế toán	20	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
43	7340302Q	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế CFAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)	7340302	Kiểm toán	20	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
44	7340201	**Tài chính ngân hàng** gồm 02 ngành: Ngân hàng; Tài chính.	7340201	Tài chính ngân hàng	303	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
45	7340201C	**Tài chính ngân hàng chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 02 ngành: Ngân hàng; Tài chính.	7340201	Tài chính ngân hàng	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
46	7340205	Công nghệ tài chính	7340205	Công nghệ tài chính	100	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
47	7340205C	Công nghệ tài chính tăng cường tiếng anh	7340205	Công nghệ tài chính	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
48	7340101	**Quản trị kinh doanh** gồm 02 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực;	7340101	Quản trị kinh doanh	491	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
49	7340101C	**Quản trị kinh doanh chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 02 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực;	7340101	Quản trị kinh doanh	240	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
50	7340115	**Marketing gồm 02** chuyên ngành: Marketing*; Digital Marketing	7340115	Marketing	279	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
51	7340115C	**Marketing chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 02 chuyên ngành: Marketing; Digital Marketing	7340115	Marketing	160	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
52	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	100	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
53	7510605C	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng chương trình tăng cường tiếng anh	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	100	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
54	7810103	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** gồm 03 chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	476	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7
55	7810103C	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành chương trình tăng cường tiếng anh** gồm 03 chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7
56	7340120	Kinh doanh quốc tế*	7340120	Kinh doanh quốc tế	301	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7
57	7340120C	Kinh doanh quốc tế chương trình tăng cường tiếng anh	7340120	Kinh doanh quốc tế	80	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển dự kiến	Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
58	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	391	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7
59	7340122C	Thương mại điện tử chương trình tăng cường tiếng anh	7340122	Thương mại điện tử	40	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh; Nhóm môn TC7
60	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Ngữ văn, Tiếng Anh, Nhóm môn TC8
61	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Anh	200	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Ngữ văn, Tiếng Anh, Nhóm môn TC8
62	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	278	Phương thức 301; PTXT Kết hợp - Tổ hợp: Ngữ văn, Lịch sử, Nhóm môn TC11 - Tổ hợp: Toán, Tiếng Anh, Nhóm môn TC9
63	7380107C	Luật kinh tế chương trình tăng cường tiếng anh	7380107	Luật kinh tế	40	

Lưu ý: Ngành dấu * có đào tạo thêm chương trình tiếng anh toàn phần; Ngành dấu ** có đào tạo thêm chương trình kỹ sư/cử nhân tài năng; Ngành dấu *** có đào tạo thêm chương trình tiếng anh toàn phần và chương trình kỹ sư/cử nhân tài năng.

Tại Phân hiệu Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi - Mã xét tuyển IUQ

Sử dụng các phương thức xét tuyển như Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh. Thí sinh trúng tuyển tại Phân hiệu Quảng Ngãi học theo lộ trình: 2 năm đầu tại Phân hiệu Quảng Ngãi, các năm còn lại học tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian theo học 2 năm tại Phân hiệu Quảng Ngãi, sinh viên được giảm 50% học phí và được hưởng mọi quyền lợi như sinh viên ở Trụ sở chính.

Các ngành tuyển sinh tại Phân hiệu Quảng Ngãi

Stt	Mã Xét Tuyển	Tên Chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh, Tổ hợp xét tuyển *(02 môn bắt buộc, chọn 01 môn tự chọn trong nhóm môn tự chọn)*
1	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	50	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán, Ngữ văn, Nhóm môn TC6
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	80	
3	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	44	Phương thức 301; PTXT Kết hợp - Tổ hợp: Toán, Ngữ Văn, Nhóm môn TC12 - Tổ hợp: Toán, Vật lí, Nhóm môn TC1
4	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	56	Phương thức 301; PTXT Kết hợp Tổ hợp: Toán,Vật lí, Nhóm môn TC1
5	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	99	
6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	45	

Bảng mã Nhóm môn tự chọn (chọn 01 môn) xét tuyển được quy định như sau:

+ Nhóm môn TC1: Ngữ văn; Tiếng Anh; Hóa học; Công nghệ công nghiệp; Tin học; GD Kinh tế - Pháp luật.
+ Nhóm môn TC2: Vật lí; Hóa học; Tin học; Tiếng Anh; Công nghệ công nghiệp.
+ Nhóm môn TC3: Vật lí; Sinh học; Ngữ văn; Công nghệ công nghiệp; Tiếng Anh.
+ Nhóm môn TC4: Ngữ văn; Tiếng Anh; Hóa học; Sinh học; Công nghệ nông nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.
+ Nhóm môn TC5: Vật lí; Hóa học; Ngữ văn; Tiếng Anh; Công nghệ nông nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.
+ Nhóm môn TC6: Tiếng Anh; Vật lí; Địa lí; Lịch sử; GD Kinh tế - Pháp luật; Tin học.

+ Nhóm môn TC7: Ngữ văn; Vật lí; Địa lí; Lịch sử; GD Kinh tế - Pháp luật; Tin học.
+ Nhóm môn TC8: Toán; Lịch sử; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật.
+ Nhóm môn TC9: Ngữ văn; Lịch sử; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật; Vật lí; Tin học.
+ Nhóm môn TC10: Tiếng Anh; GD Kinh tế - Pháp luật, Vật lí, Hóa học, Địa lí, Công nghệ nông nghiệp; Sinh học.
+ Nhóm môn TC11: Toán; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật; Vật lí; Tin học; Tiếng Anh.
+ Nhóm môn TC12: Hóa học; Tin học; Tiếng Anh; Công nghệ công nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh không áp dụng các điều kiện phụ khác ngoài các quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2 Điểm cộng

Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 3.0 điểm theo thang điểm 30.

5.2.1 Điểm thưởng

Dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh Bộ Giáo dục và Đào tạo; mức điểm thưởng từ 0 – 3.00 điểm theo thang điểm 30.

5.2.2 Điểm xét thưởng

Dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích nổi bật hoặc có năng khiếu đặc biệt, mức điểm xét thưởng theo bảng dưới đây và theo thang điểm 30:

Stt	Đối tượng	Điểm xét thưởng (tối đa)
1	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh/thành phố; kỳ thi Olympic các môn văn hoá (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển).	Đạt giải nhì trở lên: 1.50 điểm
		Các giải còn lại: 1.25 điểm
2	Học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố (đề tài/môn đạt giải phải phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển).	Đạt giải nhì trở lên: 1.50 điểm
		Các giải còn lại: 1.25 điểm
3	Học sinh có học lực ba năm lớp 10, 11, 12 xếp loại giỏi.	1.25 điểm
4	Học sinh đạt thành tích nổi bật khác (được các tổ chức xác nhận).	0.75 điểm
5	Học sinh các trường THPT có ký kết hợp tác với IUH. Danh mục các trường THPT có ký kết hợp tác với IUH thí sinh tra cứu theo link: https://tuyensinh.iuh.edu.vn. Thí sinh phải có giấy giới thiệu của Hiệu trưởng.	1.25 điểm
6	Học sinh trường chuyên/trường năng khiếu (danh sách các trường chuyên, trường năng khiếu tra cứu theo link: https://tuyensinh.iuh.edu.vn.	1.50 điểm

Stt	Đối tượng	Điểm xét thưởng (tối đa)
7	Học sinh trường THPT thuộc các trường Top có chất lượng tốt dựa trên điểm đầu vào năm lớp 10, kết quả phân tích chất lượng học tập tại IUH, kết quả đối sánh giữa điểm học bạ THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT, danh mục các trường THPT thuộc Top. Thí sinh tra cứu theo link, tại địa chỉ https://tuyensinh.iuh.edu.vn.	Mức 1: 1.25 điểm
		Mức 2: 1.00 điểm
		Mức 3: 0.75 điểm

Lưu ý: Trường hợp thí sinh có nhiều thành tích, điểm xét thưởng sẽ được tính cho tất cả các thành tích nhưng tổng điểm không quá 1.50 điểm.

5.2.3 Điểm khuyến khích

Dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ, mức điểm khuyến khích được quy đổi theo bảng dưới đây theo thang điểm 30.

Điểm chứng chỉ IELTS	IELTS 4.5	IELTS 5.0	IELTS 5.5	IELTS 6.0	IELTS≥6.5
Điểm khuyến khích quy đổi	0.50	0.75	1.00	1.25	1.50

5.3 Điểm quy đổi môn Tiếng Anh

Điểm chứng chỉ IELTS	IELTS 4.5	IELTS 5.0	IELTS 5.5	IELTS 6.0	IELTS≥6.5
Quy đổi môn Tiếng Anh	8.00	8.50	9.00	9.50	10.00

5.4 Các chứng chỉ ngoại ngữ khác được quy đổi về chứng chỉ IELTS.

Chứng chỉ	Thang điểm				
IELTS	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5
TOEIC (4 kỹ năng)	Điểm - Nghe: **337** - Đọc: **330** - Viết: **135** - Nói: **140**	Điểm - Nghe: **399** - Đọc: **384** - Viết: **149** - Nói: **159**	Điểm - Nghe: **400** - Đọc: **385** - Viết: **150** - Nói: **160**	Điểm - Nghe: **489** - Đọc: **454** - Viết: **179** - Nói: **179**	Điểm - Nghe: **490** - Đọc: **455** - Viết: **180** - Nói: **180**
VSTEP	5.0	5.5	6.0 (Bậc 4)	7.0	8.0
TOEFL ITP	450 - 474	475 - 499	500 - 524	525 - 549	550 - 677
TOEFL iBT	38	45	46-59	70	93

5.4 Các thông tin khác: Bảng mã tổ hợp xét tuyển

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lí, Sinh học
4	A06	Toán, Địa lí, Hóa học
5	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
6	B02	Toán, Sinh học, Địa lí
7	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
8	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
9	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
10	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
11	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
12	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
13	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
14	C07	Ngữ văn, Lịch sử, Vật lí
15	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
16	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
17	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
18	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
19	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
20	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
21	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
22	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
23	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
24	X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ nông nghiệp
25	X05	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
26	X06	Toán, Vật lí, Tin học
27	X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp
28	X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp
29	X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
30	X16	Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp
31	X21	Toán, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
32	X24	Toán, Địa lí, Công nghệ nông nghiệp
33	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
34	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh
35	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
36	X71	Ngữ văn, Lịch sử, Tin học
37	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khi đăng ký, thí sinh lựa chọn mã tuyển sinh của Trường tương ứng với cơ sở đào tạo, cụ thể:

+ Mã trường là **IUH** khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Mã trường là **IUQ** khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào Phân hiệu tại Quảng Ngãi.

- Ngoài việc đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh thuộc các trường hợp sau phải nộp bổ sung hồ sơ về Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh:

6.1. Đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 301)

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến trước 17h00 ngày 30/6/2026.

- Hình thức đăng ký xét tuyển (ĐKXT): Thí sinh nộp hồ sơ về Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, mẫu hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển thẳng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Đăng ký xét tuyển phương thức xét tuyển kết hợp:

a) Thời gian đăng ký xét tuyển: theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.

b) Diện điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích)

- Thời gian nộp hồ sơ sơ tuyển: Từ ngày ra thông báo đến trước 17g00 ngày 30/6/2026.

- Hồ sơ sơ tuyển gồm:

+ Phiếu đăng ký sơ tuyển (đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của trường theo địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn;

+ 01 Bản photocopy thẻ căn cước;

+ Lệ phí sơ tuyển: 50.000 đồng/thí sinh;

+ Giấy tờ minh chứng cho diện cộng điểm xét tuyển (bản photocopy có công chứng).

Lưu ý:

+ Đối với học sinh các trường THPT có ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, phải có thư giới thiệu (bản chính) của Hiệu trưởng (hoặc Hiệu phó phụ trách) trường THPT;

+ Đối với thí sinh có học lực lớp 10, 11 và 12 đều đạt loại giỏi: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, cần nộp bản photocopy học bạ THPT (đầy đủ 3 năm lớp 10, 11 và 12) có công chứng; thí sinh tốt nghiệp năm 2026 nộp bản photocopy học bạ THPT (đầy đủ 3 năm lớp 10, 11 và 12).

c) Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: theo kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.3 Thông tin liên hệ và cách thức nộp hồ sơ sơ tuyển

a) Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện), theo địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917.

- Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn.

- Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhdaihoccongnghieptphcm.

- Zalo: 0983375439.

b) Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Thí sinh nộp hồ sơ sơ tuyển tại Phân hiệu, theo địa chỉ: Phòng Hành chính - Giáo vụ, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu tại Quảng Ngãi, số 938 đường Quang Trung, Phường Cẩm Thạch, Tỉnh Quảng Ngãi. Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Hồ sơ nộp giống như tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135; 0916 222 135./.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Xét tuyển thẳng: theo Điều 8 của thông tư 06/2026/TT-BGDĐT Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Ưu tiên xét tuyển:

Trường có chính sách cộng điểm cho những thí sinh có thành tích nổi bật được quy định tại mục 5.2.

Điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách được thực hiện theo Điều 7 chính sách ưu tiên trong tuyển sinh Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại quy chế tuyển sinh.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí đăng ký xét tuyển và xử lý nguyện vọng trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

- Về khai báo thông tin:

Nếu thí sinh khai báo không chính xác thông tin, dữ liệu trên hệ thống đăng ký xét tuyển, được xử lý như sau:

+ Nếu thí sinh có thông tin, dữ liệu đăng ký xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo khác với thông tin đăng ký dự tuyển trên hệ thống của Trường, Nhà trường sử dụng dữ liệu từ hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển.

+ Nếu Trường kiểm tra thấy thông tin, dữ liệu thí sinh đăng ký xét tuyển trên

hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo không khớp với minh chứng thí sinh đã cung cấp, thí sinh nộp bổ sung các minh chứng liên quan về Trường làm căn cứ xác định thông tin đúng để sử dụng xét tuyển. Đến thời điểm xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo nếu thí sinh không nộp bổ sung minh chứng để làm căn cứ xác định thông tin đúng, Nhà trường không sử dụng dữ liệu chưa đủ minh chứng để xét tuyển.

- Sau khi kết thúc đợt xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường tổ chức hậu kiểm hồ sơ đăng ký của thí sinh, nếu kết quả hậu kiểm hồ sơ đăng ký không khớp với thông tin, dữ liệu đăng ký, được xử lý như sau:

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng để đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế không đủ điều kiện trúng tuyển, Nhà trường hủy kết quả trúng tuyển.

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng dẫn đến không đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về Trường để Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét công nhận kết quả xét tuyển. Nếu thí sinh không nộp đơn đề nghị cập nhật thông tin về Nhà trường coi như thí sinh từ bỏ nguyện vọng và bị hủy kết quả xét tuyển.

+ Nếu không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về Trường để Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét cập nhật thông tin.

- Về nhập học

Thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng nhập học muộn quá thời gian theo thông báo của Trường, được xử lý như sau:

+ Trường hợp có lý do chính đáng được Nhà trường chấp nhận cho nhập học bổ sung nếu có đơn xin nhập học muộn và có minh chứng cho lý do chính đáng.

+ Trường hợp không có lý do chính đáng coi như thí sinh từ chối việc nhập học và không được chấp nhận nhập học bổ sung.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Học bổng cho sinh viên đại học chính quy, học viên đang học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

10.1 Nguồn học bổng: Là số tiền được trích từ nguồn thu của Trường, từ doanh nghiệp, cá nhân, đơn vị hỗ trợ cho Nhà trường để cấp học bổng cho người học.

10.2 Các chính sách học bổng

- Học bổng Khuyến khích học tập: Học bổng dành cho người học thuộc Trường, đáp ứng các điều kiện quy định về học bổng của Nhà trường.

- Học bổng Tuyển sinh: Học bổng dành cho sinh viên mới trúng tuyển nhập học tại Trường, đáp ứng các điều kiện quy định về học bổng của Nhà trường.

- Học bổng Ươm mầm: Học bổng dành cho học sinh đang học tập tại các trường trung học phổ thông (THPT) có ký kết hợp tác với Trường và đáp ứng các điều kiện quy định về học bổng của Nhà trường.

- Học bổng Hỗ trợ học tập: là học bổng dành cho người học thuộc Trường, thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn ngoài đối tượng chính sách theo quy định.

- Học bổng Tài trợ: là học bổng của các nhà tài trợ dành cho người học thuộc Trường theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có).

10.3 Mức học bổng

- **Học bổng khuyến khích học tập:** lên đến 120% học phí.

- **Học bổng tuyển sinh:**

+ Lên đến 100% học phí đối với học sinh đạt giải quốc gia trở lên.

+ Lên đến 50% học phí với học sinh đạt giải cấp tỉnh/thành phố, học sinh các trường THPT chuyên.

+ Lên đến 40% học phí cho học sinh là con của giáo viên các trường THPT có ký kết hợp tác với IUH, con giảng viên IUH, nữ sinh ngành kỹ thuật, hoặc có anh/chị/em ruột đang học tại IUH.

- **Học bổng doanh nghiệp, cựu sinh viên:** dành cho sinh viên tài năng, lên đến 100% học phí, tiêu chí xét cấp học bổng do đơn vị tài trợ quy định.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
1	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	100	12	13	22.00	42	39	21.25
2	7220201	Ngôn ngữ anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	105	98	23.25	330	317	23.00
3	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100	124	115	24.75	343	314	24.25
4	7340115	Marketing	7340115	Marketing	100	65	41	26.00	234	285	25.25
5	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	57	1	25.00	80	110	26.00
6	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	100	64	0	26.00	227	189	24.50
7	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	100	78	111	24.00	204	274	24.00
8	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	91	175	22.75	349	361	23.00
9	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	100	44	87	22.50	144	156	23.00
10	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100	47	80	25.25	146	136	26.00
11	7380108	Luật quốc tế	7380108	Luật quốc tế	100	15	64	24.50	60	67	24.50
12	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	100	27	21	22.50	96	106	22.25
13	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	100	35	20	24.50	138	126	23.50
14	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	35	20	24.50	84	72	23.50
15	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	100	35	20	24.50	162	144	23.50
16	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	100	53	71	24.00	180	162	24.00
17	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	38	21	24.50	194	180	23.50
18	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100	52	11	25.50	198	177	23.50
19	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	100	30	27	24.50	113	93	22.75

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
20	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	100	31	3	26.50	112	128	24.25
21	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	65	11	25.00	252	256	24.00
22	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	100	46	122	22.25	131	131	21.50
23	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	66	20	25.25	300	183	23.50
24	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	100	60	45	24.25	240	192	23.00
25	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	100	61	16	26.50	143	157	24.50
26	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	100	56	60	24.00	222	206	20.50
27	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	35	29	18.00	127	11	19.00
28	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	55	86	21.50	220	395	20.00
29	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	100	19	31	18.00	62	27	19.00
30	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	100	54	115	18.00	192	69	19.00
31	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	33	13	22.50	119	109	19.00
32	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	100	15	44	19.00	60	8	19.00
33	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	100	9	1	22.25	36	5	19.00
34	7720201	Dược học	7720201	Dược học	100	22	1	23.75	90	135	23.00

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
35	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	100	20	38	18.00	80	27	19.00
36	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	77	4	22.75	293	281	22.50
37	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	44	76	18.00	166	49	19.00
38	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	100	24	87	18.00	90	82	19.00
39	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	200	61	55	25.75	21	25	25.50
40	7220201	Ngôn ngữ anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	539	534	26.68	165	217	25.50
41	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	200	639	513	27.81	172	171	27.50
42	7340115	Marketing	7340115	Marketing	200	337	548	28.41	117	117	28.50
43	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	200	292	283	28.00	40	53	29.00
44	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	200	331	477	28.41	113	143	27.50
45	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	200	403	422	27.25	102	74	28.00
46	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	200	468	370	26.31	175	241	27.00
47	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	200	229	155	26.12	72	75	27.00
48	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	200	244	224	28.11	74	100	28.00
49	7380108	Luật quốc tế	7380108	Luật quốc tế	200	76	44	27.62	30	31	27.00
50	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	200	137	144	26.12	48	48	26.00
51	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	200	184	162	27.62	69	63	27.50
52	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	200	184	162	27.62	42	36	27.50
53	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	200	184	162	27.62	81	72	27.50
54	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	200	274	291	27.25	90	198	26.00

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
55	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	200	185	160	27.62	76	69	27.50
56	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	200	266	288	28.21	99	152	26.00
57	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	200	156	131	27.62	56	101	25.00
58	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	200	161	215	28.61	55	121	26.50
59	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	333	368	28.00	126	195	27.50
60	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	200	235	138	25.94	64	109	22.50
61	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200	341	424	28.11	150	264	25.25
62	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	200	311	274	27.43	120	205	25.00
63	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	200	313	445	28.61	71	86	27.25
64	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	200	288	366	27.25	111	167	23.00
65	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	200	182	52	22.00	63	15	21.00
66	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	200	286	364	25.37	108	138	26.50
67	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	200	102	71	22.00	32	56	24.00
68	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	200	281	111	22.00	96	75	22.00
69	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	200	172	134	26.12	59	140	23.50

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
70	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	200	77	97	23.00	30	29	21.00
71	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	200	46	62	25.94	18	23	23.50
72	7720201	Dược học	7720201	Dược học	200	115	127	27.06	45	19	28.00
73	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	200	103	76	22.00	40	51	23.00
74	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	396	481	26.31	146	191	26.00
75	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	229	147	22.00	83	95	21.00
76	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	200	123	117	22.00	45	119	21.00
115	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	402	7	6	22.53	7	1	700.00
116	7220201	Ngôn ngữ anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	402	56	64	23.74	55	6	720.00
117	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	402	68	43	25.25	57	9	800.00
118	7340115	Marketing	7340115	Marketing	402	37	28	26.51	39	11	830.00
119	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	402	32	15	25.50	13	2	906.00
120	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	402	36	21	26.51	38	19	810.00
121	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	402	43	24	24.50	33	6	785.00
122	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	402	50	43	23.26	58	7	765.00
123	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	402	26	35	23.01	24	6	790.00
124	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	402	27	0	25.75	24	3	800.00
125	7380108	Luật quốc tế	7380108	Luật quốc tế	402	9	0	25.00	10	2	750.00
126	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	402	16	14	23.01	16	5	720.00
127	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	402	20	28	25.00	23	21	820.00

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
128	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	402	20	28	25.00	14	12	820.00
129	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	402	20	28	25.00	27	24	820.00
130	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	402	30	104	24.50	30	22	775.00
131	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	402	19	29	25.00	30	27	820.00
132	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	402	29	15	26.01	33	6	750.00
133	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	402	18	28	25.00	19	6	700.00
134	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	402	19	20	27.00	19	14	780.00
135	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	402	36	22	25.50	42	7	800.00
136	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	402	26	71	22.77	22	2	650.00
137	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	402	37	42	25.75	50	19	750.00
138	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	402	34	42	24.75	40	11	720.00
139	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	402	34	23	27.00	24	18	800.00
140	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	402	32	35	24.50	37	4	720.00
141	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	402	20	5	19.52	21	0	660.00
142	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	402	32	55	22.04	37	1	750.00

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	P.Thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
143	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	402	12	5	19.52	10	1	650.00
144	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	402	30	27	19.52	32	0	665.00
145	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	402	19	7	23.01	20	1	675.00
146	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	402	8	6	20.17	10	0	675.00
147	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	402	5	5	22.77	6	1	670.00
148	7720201	Dược học	7720201	Dược học	402	13	7	24.26	15	0	830.00
149	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	402	11	17	19.52	13	0	660.00
150	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	402	43	27	23.26	49	6	700.00
151	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	402	25	5	19.52	27	0	670.00
152	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	402	13	6	19.52	15	1	665.00

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo đại học liên thông Vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp, cao đẳng trở lên.

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng có ngành, chuyên ngành đã được đào tạo phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký xét tuyển.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Tuyển sinh trên toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc trung cấp, cao đẳng. Điểm xét tuyển là điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp trên bảng điểm bậc trung cấp, cao đẳng.

- Xét tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

1.4. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh được công nhận tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng đúng ngành hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp ở bậc trung cấp, cao đẳng từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4.

1.5. Số lượng tuyển sinh dự kiến:

STT	Mã Xét Tuyển	Tên Chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển	Phương thức tuyển sinh
1	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	27	Kết quả học tập bậc cao đẳng
2	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	24	Kết quả học tập bậc cao đẳng
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21	Kết quả học tập bậc cao đẳng
4	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	13	Kết quả học tập bậc cao đẳng
5	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	26	Kết quả học tập bậc cao đẳng
6	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	18	Kết quả học tập bậc cao đẳng
7	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	21	Kết quả học tập bậc cao đẳng
8	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	58	Kết quả học tập bậc cao đẳng
9	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	24	Kết quả học tập bậc cao đẳng
10	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	14	Kết quả học tập bậc cao đẳng
11	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	22	Kết quả học tập bậc cao đẳng
12	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	22	Kết quả học tập bậc cao đẳng
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	22	Kết quả học tập bậc cao đẳng
14	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	37	Kết quả học tập bậc cao đẳng
15	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	8	Kết quả học tập bậc cao đẳng
16	7340201	Tài chính ngân hàng	7340201	Tài chính ngân hàng	31	Kết quả học tập bậc cao đẳng
17	7340115	Marketing	7340115	Marketing	26	Kết quả học tập bậc cao đẳng
18	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	23	Kết quả học tập bậc cao đẳng
19	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	26	Kết quả học tập bậc cao đẳng
20	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	50	Kết quả học tập bậc cao đẳng
21	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	31	Kết quả học tập bậc cao đẳng

1.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

Tạo mọi điều kiện thuận tiện và tạo cơ hội tối đa cho thí sinh, đảm bảo công bằng, công khai.

Học ngoài giờ hành chính, đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp bằng đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian nhận hồ sơ: Trường có nhiều đợt tuyển sinh trong năm; thời gian cụ thể các đợt tuyển sinh sẽ được thông báo trên website của trường www.iuh.edu.vn.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có

+ Hồ sơ đăng ký xét tuyển (theo mẫu của trường).

+ Bản sao bảng điểm (có chứng thực).

+ Bản sao bằng tốt nghiệp bậc trung cấp, cao đẳng (có chứng thực), hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với sinh viên trong thời gian chờ cấp bằng, sau thời hạn giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hết giá trị, phải nộp lại bản sao bằng tốt nghiệp bậc trung cấp, cao đẳng và mang theo bản gốc để đối chiếu).

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng; Lệ phí xử lý hồ sơ: 170.000 đồng/hồ sơ;

2. Tuyển sinh văn bằng Đại học thứ 2 hệ Vừa làm vừa học

2.1 Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học

2.2 Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc

2.3 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập đại học của văn bằng thứ nhất.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học của văn bằng thứ nhất. Điểm xét tuyển là điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp trên bảng điểm của văn bằng thứ nhất.

- Xét tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

2.4. Ngưỡng đầu vào:

Tốt nghiệp bậc đại học văn bằng thứ nhất từ 5,0 điểm trở lên tính theo thang điểm 10, từ 2,0 điểm trở lên theo thang điểm 4.

2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

STT	Mã Xét Tuyển	Tên Chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu Dự kiến	Phương thức tuyển sinh
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	20	Xét kết quả học tập đại học của văn bằng thứ nhất
2	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	20	Xét kết quả học tập đại học của văn bằng thứ nhất

2.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

Ngưỡng nhận hồ sơ có điểm trung bình chung toàn khóa học tối thiểu bằng 5.0 điểm đối với thang điểm 10; tối thiểu bằng 2.0 đối với thang điểm 4.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian nhận hồ sơ tuyển sinh: Trường có nhiều đợt tuyển sinh trong năm; thời gian cụ thể các đợt tuyển sinh sẽ được thông báo trên website của trường www.tuyensinh.iuh.edu.vn.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

+ Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường;

+ Bản sao Bảng điểm bậc đại học (có chứng thực);

+ Bản sao Bằng tốt nghiệp bậc đại học (có chứng thực)

+ 02 ảnh 3x4cm;

2.8. Lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/hồ sơ;

- Lệ phí xử lý hồ sơ: 170.000 đồng/hồ sơ.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. NGUYỄN TRUNG NHÂN

Điện thoại: 0919707339

Email: nguyentrungnhan@iuh.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. PHAN HỒNG HẢI